

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52 /2008/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2008

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2009-2010**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2009-2010; định mức phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2009-2010;

Xét đề nghị của Sở Tài chính Hà Nội tại Công văn số 2312/STC-QLNS ngày 16/12/2008,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2009-2010.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2009 và thay thế Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 12/9/2008 và các Quyết định trước đây của UBND thành phố Hà Nội về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách thuộc thành phố Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thành phố trực thuộc; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp
- TT: Thành ủy, HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TPHN;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Như điều 3;
- VPUB: các PVP, KT, TH;
- Lưu VT, KTh.

(Để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Thảo

QUY ĐỊNH PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHÂN  
TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THUỘC  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2009-2010  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 52 /2008/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 12 năm 2008 của UBND Thành phố Hà Nội)

PHẦN I

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA  
CÁC CẤP NGÂN SÁCH THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2009-2010

**I. Nguồn thu của ngân sách cấp Thành phố gồm:**

1. Các khoản thu ngân sách Thành phố được hưởng 100%
  - a. Thuế môn bài thu từ doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng trên địa bàn; các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, lực lượng vũ trang Thành phố;
  - b. Thuế tài nguyên từ doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động dầu khí);
  - c. Tiền sử dụng đất
    - Đấu giá đất các dự án do thành phố tổ chức thực hiện trên địa bàn 29 quận, huyện (kể cả dự án 1,03 ha đất sau Phú Tây Hồ và khu đất 18,6 ha Phú Thượng - Tây Hồ);
    - Đấu thầu các dự án sử dụng đất do Thành phố tổ chức mời thầu;
  - d. Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể tiền thuê mặt nước từ hoạt động dầu khí);
  - đ. Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước. Tiền bán tài sản khác thuộc Thành phố quản lý.
  - e. Lệ phí trước bạ ô tô, tàu thuyền, tài sản khác;
  - g. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. (Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản thu khác do Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Xổ số kiến thiết Thủ đô nộp ngân sách);
  - h. Thu nhập từ vốn góp của ngân sách Thành phố, tiền thu hồi vốn của ngân sách Thành phố tại các cơ sở kinh tế, thu từ quỹ dự trữ tài chính của Thành phố;

i. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho Thành phố theo quy định của pháp luật;

k. Các khoản phí, lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định), do các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thu, nộp (không kể phí xăng dầu, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và lệ phí trước bạ);

m. Các khoản phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do người có thẩm quyền xử phạt ở Trung ương và Thành phố quyết định, nộp ngân sách;

n. Huy động vốn để đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng theo Nghị quyết HĐND Thành phố;

o. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách Thành phố;

p. Tiền đền bù thiệt hại đối với đất giao cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố quản lý, doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

q. Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của các đơn vị do Thành phố quản lý;

r. Thu kết dư ngân sách Thành phố; thu chuyển nguồn từ ngân sách Thành phố năm trước sang ngân sách năm sau.

s. Các khoản thu khác của ngân sách Thành phố theo quy định của pháp luật;

t. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương;

2. Các khoản thu ngân sách Thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) gồm:

a. Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí);

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành, thuế thu nhập từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí);

c. Thuế thu nhập cá nhân;

d. Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết);

đ. Phí xăng dầu;

e. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

g. Tiền sử dụng đất:

- Đấu giá các dự án (trừ dự án nhỏ lẻ, xen kẹt không tiếp giáp đường phố có diện tích nhỏ hơn 5.000m<sup>2</sup>) giao cấp huyện tổ chức đấu giá (trừ huyện Sóc Sơn);

- Đấu thầu các dự án sử dụng đất do cấp huyện mời thầu;

- Giao đất các dự án có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn Hà Tây cũ (Quyết định giao đất trước ngày 31/7/2008).

## **II- Nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố**

### **1. Chi đầu tư phát triển**

a. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp Thành phố quản lý, trong phạm vi ngân sách Thành phố được phân cấp;

b. Đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Thành phố theo quy định của pháp luật;

c. Chi đầu tư phát triển các chương trình mục tiêu quốc gia do cấp Thành phố thực hiện;

d. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

Đối với nhiệm vụ chi xây dựng cơ bản của Thành phố, phải ưu tiên bố trí các dự án theo mục tiêu, cơ cấu đầu tư thuộc kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và từng năm, theo từng lĩnh vực, được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết nghị, phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách Thành phố.

### **2. Chi thường xuyên**

a. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hóa thông tin, nghệ thuật, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, khoa học, công nghệ do cấp Thành phố quản lý:

- Giáo dục trung học phổ thông công lập, Trung tâm giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt và sự nghiệp giáo dục khác do Thành phố quản lý;

- Giáo dục đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, bồi dưỡng lý luận chính trị, đào tạo ngắn hạn, đào tạo nghề và các hình thức đào tạo khác của Thành phố;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;

- Các trại xã hội, cứu tế xã hội, hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- Bảo tồn bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác;

- Đài phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin của Thành phố quản lý;

- Bồi dưỡng, huấn luyện các huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp Thành phố, hoạt động của các cơ sở thể dục, thể thao của Thành phố;

- Nghiên cứu, thực hiện chương trình, đề tài khoa học cấp Thành phố, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ khác;

- Các sự nghiệp văn hóa, xã hội khác.

b. Các hoạt động sự nghiệp về môi trường theo phân cấp của Thành phố

c. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp Thành phố quản lý:

- Sự nghiệp giao thông vận tải: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường, hạ tầng kỹ thuật vận tải hành khách công cộng (biển báo, panô, nhà chờ, điểm dừng đỗ...), lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường, các công trình giao thông;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi do cấp Thành phố quản lý; các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; bảo vệ, phòng chống cháy rừng;

- Công tác khuyến công, khuyến khích du lịch của Thành phố;

- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng công cộng; giao thông đô thị, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, hồ, công viên, cây xanh và các sự nghiệp thị chính khác;

- Đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

c. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội cấp thành phố.

d. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam.

- Hoạt động của Văn phòng Thành ủy và các cơ quan Đảng trực thuộc Thành ủy;

- Hoạt động của HĐND Thành phố;

- Hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; hoạt động của các Sở, Ban Ngành và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc Thành phố.

e. Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố; Hội Cựu chiến binh Thành phố; Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố; Hội Nông dân Thành phố;

g. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp Thành phố theo quy định của pháp luật;

h. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp Thành phố quản lý;

i. Chi thường xuyên các chương trình Quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương thực hiện;

j. Trợ giá, trợ cước theo chính sách của Nhà nước và Thành phố cho các đối tượng thuộc cấp Thành phố quản lý;

- k. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.
3. Chi trả gốc, lãi tiền huy động vốn cho đầu tư của Thành phố;
4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của Thành phố;
5. Chi hỗ trợ các quỹ của Thành phố theo quy định của pháp luật;
6. Chi bổ sung cho ngân sách cấp Quận, Huyện;
7. Chi chuyển nguồn từ ngân sách Thành phố năm trước sang ngân sách năm sau.

### **III- Nguồn thu của ngân sách quận, huyện gồm:**

1. Các khoản thu ngân sách quận, huyện hưởng 100%:
  - a. Thuế môn bài:
    - Thu từ các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã;
    - Thu từ cá nhân và hộ kinh doanh từ bậc 1- 3 đóng trên địa bàn các phường;
  - b. Thuế tài nguyên từ các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ sản xuất;
  - c. Thu khác từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh;
  - d. Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ các nông trường, trạm trại nhà nước quản lý;
  - e. Tiền sử dụng đất
    - Đấu giá dự án đất nhỏ, lẻ xen kẹt nhỏ hơn 5000 m<sup>2</sup> không tiếp giáp với mặt đường phố giao cấp huyện tổ chức, thực hiện;
    - Đấu giá đất các dự án do UBND huyện Sóc Sơn tổ chức thực hiện;
    - Tiền sử dụng đất (không kể thu từ đấu giá, đấu thầu và các dự án giao đất trên địa bàn Hà Tây cũ).
  - f/ Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước các doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngoài quốc doanh;
  - g. Lệ phí trước bạ xe máy;
  - h. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho quận, huyện theo quy định của pháp luật;
  - i. Các khoản phí, lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định) do các cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện tổ chức thu (không kể phí xăng dầu, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải);
  - j. Thu phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực do các đơn vị quận, huyện phạt xử lý ;
  - k. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước trực tiếp cho quận, huyện;

- l. Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của các đơn vị do quận, huyện quản lý;
- m. Thu kết dư ngân sách quận, huyện;
- n. Thu bổ sung ngân sách cấp trên;
- o. Thu chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện năm trước sang ngân sách năm sau;
- p. Tiền bán tài sản cấp huyện quản lý;
- q. Tiền đền bù thiệt hại đối với đất giao cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý;
- r. Các khoản thu khác của ngân sách quận, huyện theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu của ngân sách quận, huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) gồm:

- a. Thuế giá trị gia tăng thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh, cá nhân hộ kinh doanh (không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu);
- b. Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh;
- c. Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (không kể thuế TTĐB hàng nhập khẩu).
- d. Tiền sử dụng đất
  - Đấu giá các dự án (trừ dự án nhỏ lẻ, xen kẹt không tiếp giáp đường phố có diện tích nhỏ hơn 5.000m<sup>2</sup>) giao cấp huyện tổ chức đấu giá (trừ huyện Sóc Sơn);
  - Đấu thầu các dự án sử dụng đất do cấp huyện mời thầu;
  - Giao đất các dự án có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn Hà Tây cũ (Quyết định giao trước ngày 31/7/2008).
- e. Thuế chuyển quyền sử dụng đất (trên địa bàn phường);
- f. Lệ phí trước bạ nhà đất (trên địa bàn phường);

#### **IV- Nhiệm vụ chi của ngân sách quận, huyện**

##### **1. Chi đầu tư phát triển**

- a. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn, gắn với các nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội đã phân cấp cho quận, huyện, trong phạm vi ngân sách quận huyện được phân cấp.
- b. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

##### **2. Chi thường xuyên**

- a. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hóa thông tin, nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học, công nghệ và môi trường do quận, huyện quản lý:

- Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập và sự nghiệp giáo dục khác;

- Dạy nghề, đào tạo nghề; bồi dưỡng kiến thức do Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện mở và các hình thức bồi dưỡng, đào tạo khác;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác do quận, huyện quản lý;

- Các trại xã hội do quận, huyện quản lý, cứu tế xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- Nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa và các hoạt động văn hóa khác;

- Các di tích lịch sử - văn hoá theo phân cấp của Thành phố;

- Đài phát thanh và các hoạt động thông tin, tuyên truyền khác của quận, huyện;

- Bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp quận, huyện trong thời gian tập trung thi đấu; hoạt động của các trung tâm thể dục, thể thao do quận, huyện quản lý;

- Chi nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ;

- Các sự nghiệp văn hóa, xã hội khác;

b. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do quận, huyện quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa, nâng cấp đường giao thông và các công trình giao thông do quận, huyện quản lý theo phân cấp; xử lý vi phạm trong đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn quận, huyện;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, khuyến nông, khuyến ngư do quận, huyện quản lý; Chi hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; chi hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế; chi bảo vệ, phòng chống cháy rừng; phòng chống lụt bão theo phân cấp của Thành phố;

- Sự nghiệp thị chính: Duy tu bảo dưỡng và sửa chữa nâng cấp hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, cống rãnh, thoát nước, hồ, công viên, cây xanh và các sự nghiệp thị chính khác do quận, huyện quản lý theo phân cấp của Thành phố;

- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính;

- Hoạt động quản lý hệ thống các chợ, các trung tâm thương mại do cấp quận, huyện quản lý theo phân cấp;

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

c. Các hoạt động sự nghiệp về môi trường cấp quận huyện, quản lý theo phân cấp của Thành phố (riêng công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải của 4 quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng do ngân sách Thành phố đảm nhiệm chi);

d. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội của cấp quận, huyện;



e. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam cấp quận, huyện:

- Hoạt động của Văn phòng quận, huyện ủy và các cơ quan khác trực thuộc quận, huyện ủy;

- Hoạt động của HĐND cấp quận, huyện;

- Hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện; các Phòng, Ban và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc quận, huyện;

f/ Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội Nông dân; Hội cựu chiến binh.

g. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp quận, huyện theo quy định của pháp luật;

h. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do quận, huyện quản lý;

i. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

3. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn;

4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện năm trước sang ngân sách năm sau.

## **V. Nguồn thu của ngân sách xã, phường, thị trấn**

1. Các nguồn thu cấp xã hưởng 100%, gồm:

a. Thuế môn bài:

- Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh đóng trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh từ bậc 4 đến bậc 6 trên địa bàn phường;

b. Thuế nhà đất;

c. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các hộ sản xuất;

d. Thuế chuyển quyền sử dụng đất (áp dụng cho xã, thị trấn);

e. Các khoản thu phí, lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định) do xã, phường, thị trấn tổ chức quản lý thu (không kể phí xăng dầu, phí bảo vệ môi trường từ nước thải, lệ phí trước bạ).

f. Lệ phí trước bạ nhà đất (áp dụng cho xã, thị trấn);

g. Phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính (trừ thu từ các hoạt động chống buôn lậu, kinh doanh trái pháp luật, phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông);

h. Thu sự nghiệp, phân nộp ngân sách theo quy định từ các hoạt động sự nghiệp do xã, phường, thị trấn quản lý;

i. Thu từ sử dụng quỹ đất công, công ích và hoa lợi công sản do xã, phường thị trấn quản lý;

j. Tiền đền bù thiệt hại đối với đất giao cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý;

k. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho xã, phường, thị trấn;

l. Thu về quản lý, sử dụng tài sản công do xã phường, thị trấn quản lý: cho thuê tài sản không cần dùng, bán thanh lý tài sản;

m. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho xã, phường, thị trấn;

n. Thu kết dư ngân sách;

o. Các khoản thu khác của ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật;

p. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

q. Thu chuyển nguồn từ ngân sách xã, phường, thị trấn năm trước sang ngân sách năm sau.

r. Ngoài các khoản thu nêu trên, chính quyền xã, thị trấn được huy động sự đóng góp của tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của xã, thị trấn theo nguyên tắc tự nguyện. Việc huy động, quản lý, sử dụng khoản đóng góp này phải công khai, có kiểm tra, kiểm soát và đảm bảo đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) gồm:

a. Thuế chuyển quyền sử dụng đất (áp dụng đối với phường);

b. Lệ phí trước bạ nhà đất (áp dụng đối với phường);

#### **VI. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn:**

1. Chi đầu tư phát triển (đối với xã, thị trấn): Chi đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, không có khả năng thu hồi vốn, gắn với các nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội đã phân cấp cho xã, thị trấn, trong phạm vi ngân sách xã, thị trấn được phân cấp.

Riêng cấp phường được chi đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình do phường quản lý khi có nguồn tăng thu của ngân sách phường, thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách phường.

2. Chi thường xuyên:

a. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, giáo dục, y tế:

- Hỗ trợ các hoạt động giáo dục phổ thông trên địa bàn theo quy định của Thành phố;

- Hỗ trợ công tác phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động sự nghiệp y tế trên địa bàn theo quy định của Thành phố;

- Nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa, đài truyền thanh và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao xã, phường, thị trấn;

- Chi sự nghiệp văn hóa, xã hội khác.

b. Chi sự nghiệp kinh tế gồm:

- Duy tu, sửa chữa các tuyến đường, ngõ, ngách; sửa chữa cải tạo công trình cấp, thoát nước công cộng (được thoả thuận chuyên ngành) trong các khu dân cư do xã, thị trấn quản lý. Riêng cấp phường được chi các công trình đến 500 triệu đồng;

- Hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, nuôi dưỡng phát triển nguồn thu ngân sách xã.

- Quản lý đất đai, đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác phân cấp cho xã, phường, thị trấn.

- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác.

c. Các hoạt động về môi trường theo phân cấp của Thành phố, bao gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, phường, thị trấn;

- Phối hợp kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn quản lý;

- Hỗ trợ hoạt động thu gom rác thải thông thường trên địa bàn do xã, thị trấn quản lý;

d. Sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình hạ tầng cơ sở do xã, thị trấn quản lý như: nhà văn hóa, thư viện, đài tưởng niệm, cơ sở thể dục thể thao... Riêng cấp phường được chi các công trình đến 500 triệu đồng.

e. Chi cho công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn:

- Huấn luyện dân quân tự vệ; đăng ký, tổ chức thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự, tiếp đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về; tổ chức hội nghị tập huấn, kỷ niệm ngày truyền thống dân quân tự vệ và các hoạt động khác;

- Tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn (ngoài phần sử dụng quỹ bảo trợ an ninh); hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội; hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy; hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh và các hoạt động khác về đảm bảo an ninh trật tự.

f. Hoạt động của cơ quan Nhà nước ở xã, phường, thị trấn:

- Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn và tổ dân phố theo quy định của Nhà nước và Thành phố;

- Hỗ trợ hoạt động các khu dân cư.

g. Hoạt động của Đảng ủy xã, phường, thị trấn;

h. Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (kể cả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân) và các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, thị trấn: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân;

Hỗ trợ hoạt động Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ, Ban công tác Mặt trận và các tổ chức xã hội khác của xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật; Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hoạt động hòa giải.

i. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Chi về công tác xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội: Ma túy, mại dâm và các hoạt động xã hội khác do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Thăm hỏi gia đình chính sách, các hoạt động tình nghĩa nhân các ngày truyền thống, lễ, tết; trợ cấp xã hội cho người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật không nơi nương tựa và thực hiện các chính sách xã hội khác đối với các đối tượng do xã, phường, thị trấn quản lý (không thuộc đối tượng chính sách, hưởng trợ cấp thường xuyên do Phòng lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện cấp).

- Công tác xã hội khác như: trợ cấp cứu đói, hòa hoãn, thiên tai, mất mùa, tai nạn, v.v...; quản lý nghĩa trang, đài tưởng niệm liệt sỹ.

k. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách xã, phường, thị trấn năm trước sang ngân sách năm sau.

PHẦN II

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2009-2010

| ST T     | Nội dung  | NS Trung ương (%) | NS Thành phố (%) | NS quận huyện (%) | NS xã phường thị trấn (%) |
|----------|---|-------------------|------------------|-------------------|---------------------------|
| <b>I</b> | <b>CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HƯỞNG 100%</b>  |                   |                  |                   |                           |
| <b>1</b> | <b>Thuế môn bài</b>   |                   |                  |                   |                           |
| 1.1      | Thuế môn bài thu từ DNNN; DN có vốn đầu tư nước ngoài đóng trên địa bàn; các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, lực lượng vũ trang Thành phố. |                   | 100              |                   |                           |
| 1.2      | Thuế môn bài thu từ các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã.   |                   |                  | 100               |                           |
| 1.3      | Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh:   |                   |                  |                   |                           |
|          | - Trên địa bàn xã, thị trấn   |                   |                  |                   | 100                       |
|          | - Trên địa bàn phường   |                   |                  |                   |                           |
|          | + Thuế môn bài từ bậc 1-3   |                   |                  | 100               |                           |
|          | + Thuế môn bài từ bậc 4-6   |                   |                  |                   | 100                       |
| <b>2</b> | <b>Thuế tài nguyên</b>  |                   |                  |                   |                           |
| 2.1      | Thuế tài nguyên từ DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động khai thác dầu khí)  |                   | 100              |                   |                           |
| 2.2      | Thuế tài nguyên từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ sản xuất   |                   |                  | 100               |                           |
| <b>3</b> | <b>Tiền sử dụng đất</b>   |                   |                  |                   |                           |
| 3.1      | <b>Đấu giá</b>  |                   |                  |                   |                           |
| a        | Đối với dự án UBND Thành phố giao Sở, ngành, trung tâm phát triển quỹ đất và các đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá   |                   | 100              |                   |                           |
| b        | Đối với các dự án giao quận, huyện thực hiện:   |                   |                  |                   |                           |
| b1       | Số thu đấu giá quyền sử dụng đất do UBND huyện Sóc Sơn tổ chức thực hiện  |                   |                  | 100               |                           |
| b2       | Số thu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đất 1,03 ha sau Phú Tây Hồ và khu đất 18,6 ha Phú Thượng, Tây hồ do UBND quận Tây Hồ tổ chức thực hiện.                            |                   | 100              |                   |                           |
| b3       | Các dự án còn lại   |                   |                  |                   |                           |
|          | - Đối với các dự án trên khu đất có quy mô diện tích dưới 5.000 m2 (nhỏ lẻ, xen kẹt) không giáp đường, phố  |                   |                  | 100               |                           |
|          | - Đối với các dự án trên khu đất có quy mô diện tích từ 5.000 m2 trở lên; đất dưới 5,000 m2 tiếp giáp đường, phố.   |                   | 70               | 30                |                           |
| 3.2      | <b>Đấu thầu dự án có thu tiền SD đất</b>  |                   |                  |                   |                           |
| a        | - Đấu thầu đối với các dự án UBND thành phố giao các Sở ngành, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và các đơn vị của Thành phố làm bên mời thầu                          |                   | 100              |                   |                           |

| ST T | Nội dung   | NS Trung ương (%) | NS Thành phố (%) | NS quận huyện (%) | NS xã phường thị trấn (%) |
|------|--|-------------------|------------------|-------------------|---------------------------|
| b    | - Đấu thầu đối với các dự án UBND thành phố giao UBND quận huyện làm bên mời thầu;   |                   | 70               | 30                |                           |
| 3.3  | <b>Giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn Hà Tây cũ</b>   |                   |                  |                   |                           |
|      | - Thu tồn đọng về giao đất có thu tiền SD đất đối với các DNNN trước 31/7/2008   |                   | 70               | 30                |                           |
|      | - Thu tồn đọng về giao đất có thu tiền SD đất đối với các DN ngoài quốc doanh trước 31/7/2008                                  |                   | 70               | 30                |                           |
|      | - Thu tồn đọng về giao đất có thu tiền SD đất đối với các dự án XD khu nhà ở, khu đô thị mới 31/7/2008                         |                   | 70               | 30                |                           |
| 3.4  | <b>Thu tiền SD đất các dự án còn lại (không kể thu từ đấu giá, đấu thầu, giao đất dự án trên địa bàn Hà Tây cũ)</b>            |                   |                  | 100               |                           |
| 4    | <b>Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước</b>   |                   |                  |                   |                           |
| 4.1  | Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước của DN có vốn đầu tư nước ngoài (không kể tiền thuê mặt nước từ hoạt động khai thác dầu khí)   |                   | 100              |                   |                           |
| 4.2  | Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động khai thác dầu khí) |                   |                  | 100               |                           |
| 5    | <b>Thuế nhà, đất</b>   |                   |                  |                   | 100                       |
| 6    | <b>Thuế chuyển quyền sử dụng đất</b>   |                   |                  |                   |                           |
| 6.1  | - Thu trên địa bàn Phường  |                   |                  | 70                | 30                        |
| 6.2  | - Thu trên địa bàn xã, thị trấn  |                   |                  |                   | 100                       |
| 7    | <b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>  |                   |                  |                   |                           |
| 7.1  | - Thu các hộ sản xuất tại địa bàn xã, phường, thị trấn   |                   |                  |                   | 100                       |
| 7.2  | - Thu từ các nông trường, trạm, trại nhà nước quản lý  |                   |                  | 100               |                           |
| 8    | <b>Tiền đền bù thiệt hại đất</b>   |                   |                  |                   |                           |
| 8.1  | - Tiền đền bù thiệt hại đối với đất giao cơ quan, đơn vị thuộc thành phố và DNNN, DN liên doanh có vốn nước ngoài              |                   | 100              |                   |                           |
| 8.2  | - Tiền đền bù thiệt hại đối với đất giao cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý   |                   |                  | 100               |                           |
| 8.3  | - Tiền đền bù thiệt hại đối với đất giao cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã, phường, thị trấn quản lý                                |                   |                  |                   | 100                       |
| 9    | <b>Tiền cho thuê nhà, bán và thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</b>  |                   |                  |                   |                           |
| 9.1  | - Nhà ở  |                   | 100              |                   |                           |
| 9.2  | - Không phải là nhà ở:   |                   |                  |                   |                           |
|      | + Thành phố quản lý  |                   | 100              |                   |                           |
|      | + Cấp huyện quản lý  |                   |                  | 100               |                           |
|      | + Cấp xã quản lý   |                   |                  |                   | 100                       |
| 10   | <b>Lệ phí trước bạ</b>   |                   |                  |                   |                           |
| 10.1 | <b>Lệ phí trước bạ nhà đất</b>   |                   |                  |                   |                           |
|      | - Thu trên địa bàn Phường  |                   |                  | 70                | 30                        |

| ST<br>T | Nội dung  | NS<br>Trung<br>ương<br>(%) | NS<br>Thành<br>phố<br>(%) | NS<br>quận<br>huyện<br>(%) | NS xã<br>phường<br>thị trấn<br>(%) |
|---------|---|----------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------------------|
|         | - Thu trên địa bàn xã, thị trấn   |                            |                           |                            | 100                                |
| 10.2    | Lệ phí trước bạ xe máy  |                            |                           | 100                        |                                    |
| 10.3    | Lệ phí trước bạ ô tô, tàu thuyền, tài sản khác  |                            | 100                       |                            |                                    |
| 11      | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.  |                            | 100                       |                            |                                    |
| 12      | Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế, thu từ quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh, TP |                            | 100                       |                            |                                    |
| 13      | Viện trợ không hoàn lại các tổ chức, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật  |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Thành phố   |                            | 100                       |                            |                                    |
|         | - Cấp huyện   |                            |                           | 100                        |                                    |
|         | - Xã, Phường, thị trấn  |                            |                           |                            | 100                                |
| 14      | Phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Phí Xăng dầu; Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải)            |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Do Thành phố quản lý thu  |                            | 100                       |                            |                                    |
|         | - Do Quận, huyện, TP trực thuộc quản lý thu   |                            |                           | 100                        |                                    |
|         | - Do Xã, Phường, thị trấn quản lý thu   |                            |                           |                            | 100                                |
|         | (Riêng phí thắng cảnh giao UBND TP quyết định cụ thể, phù hợp để đầu tư, bảo vệ khu di tích và tổ chức lễ hội)  |                            |                           |                            |                                    |
| 15      | Thu từ quỹ đất công, công ích và thu hoa lợi công sản xã, phường, thị trấn quản lý  |                            |                           |                            | 100                                |
| 16      | Thu sự nghiệp của các đơn vị do địa phương quản lý  |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Thành phố   |                            | 100                       |                            |                                    |
|         | - Cấp huyện   |                            |                           | 100                        |                                    |
|         | - Xã, Phường, thị trấn  |                            |                           |                            | 100                                |
| 17      | Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật  |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Thành phố   |                            | 100                       |                            |                                    |
|         | - Cấp huyện   |                            |                           | 100                        |                                    |
|         | - Xã, Phường, thị trấn  |                            |                           |                            | 100                                |
| 18      | Huy động vốn để đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 điều 8 của Luật NSNN   |                            | 100                       |                            |                                    |
| 19      | Thu kết dư ngân sách  |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Thành phố   |                            | 100                       |                            |                                    |
|         | - Cấp huyện   |                            |                           | 100                        |                                    |
|         | - Xã, Phường, thị trấn  |                            |                           |                            | 100                                |
| 20      | Các khoản phạt, tịch thu và thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định)                     |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Do cơ quan Trung ương, Thành phố xử lý phạt   |                            | 100                       |                            |                                    |

| ST<br>T | Nội dung   | NS<br>Trung<br>ương<br>(%) | NS<br>Thành<br>phố<br>(%) | NS<br>quận<br>huyện<br>(%) | NS xã<br>phường<br>thị trấn<br>(%) |
|---------|--|----------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------------------|
|         | - Do cơ quan cấp huyện xử lý phạt  |                            |                           | 100                        |                                    |
|         | - Do cấp xã, Phường, thị trấn xử lý phạt   |                            |                           |                            | 100                                |
| 21      | <b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>   |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Thành phố  |                            | 100                       |                            |                                    |
|         | - Cấp huyện  |                            |                           | 100                        |                                    |
|         | - Xã, Phường, thị trấn   |                            |                           |                            | 100                                |
| 22      | <b>Thu chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau</b>  |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Thành phố  |                            | 100                       |                            |                                    |
|         | - Cấp huyện  |                            |                           | 100                        |                                    |
|         | - Xã, Phường, thị trấn   |                            |                           |                            | 100                                |
| III     | <b>CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA VỚI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>  |                            |                           |                            |                                    |
| 1       | <b>Thuế giá trị gia tăng</b>   |                            |                           |                            |                                    |
| 1.1     | Thu từ DNNN Trung ương (không kể thuế GTGT hàng nhập khẩu, hoạt động khai thác dầu khí)  | 55                         | 45                        |                            |                                    |
| 1.2     | Thu từ DNNN Địa phương (không kể thuế GTGT hàng nhập khẩu, hoạt động Xổ số kiến thiết)   | 55                         | 45                        |                            |                                    |
| 1.3     | Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thuế GTGT hàng nhập khẩu, hoạt động khai thác dầu khí)  | 55                         | 45                        |                            |                                    |
| 1.4     | Thu từ ngoài quốc doanh (không kể thuế GTGT hàng nhập khẩu)  |                            |                           |                            |                                    |
| a       | Thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã), cá nhân và hộ kinh doanh có mức môn bài từ bậc 1- 3 |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Quận Hoàn Kiếm   | 55                         | 28                        | 17                         |                                    |
|         | - Quận Ba Đình   | 55                         | 38                        | 7                          |                                    |
|         | - Quận Đống Đa   | 55                         | 24                        | 21                         |                                    |
|         | - Quận Hai Bà Trưng  | 55                         | 19                        | 26                         |                                    |
|         | - Quận Thanh Xuân  | 55                         | 12                        | 33                         |                                    |
|         | - Quận Cầu Giấy  | 55                         | 11                        | 34                         |                                    |
|         | - Các quận, huyện còn lại  | 55                         |                           | 45                         |                                    |
| b       | Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh có mức môn bài từ bậc 4 đến bậc 6  | 55                         |                           | 45                         |                                    |
| 2       | <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>  |                            |                           |                            |                                    |
| 2.1     | Thu từ DNNN Trung ương (không kể thuế TNDN đơn vị hạch toán toàn ngành)  | 55                         | 45                        |                            |                                    |
| 2.2     | Thu từ DNNN Địa phương ( Không kể thuế TNDN hoạt động Xổ số kiến thiết)  | 55                         | 45                        |                            |                                    |
| 2.3     | Thu từ DN Đầu tư nước ngoài (không kể thuế TNDN hoạt động khai thác dầu khí)   | 55                         | 45                        |                            |                                    |



| ST<br>T | Nội dung   | NS<br>Trung<br>ương<br>(%) | NS<br>Thành<br>phố<br>(%) | NS<br>quận<br>huyện<br>(%) | NS xã<br>phường<br>thị trấn<br>(%) |
|---------|--|----------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------------------|
| 2.4     | Thu từ khu vực ngoài quốc doanh  |                            |                           |                            |                                    |
|         | Thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã)  |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Quận Hoàn Kiếm   | 55                         | 28                        | 17                         |                                    |
|         | - Quận Ba Đình   | 55                         | 38                        | 7                          |                                    |
|         | - Quận Đống Đa   | 55                         | 24                        | 21                         |                                    |
|         | - Quận Hai Bà Trưng  | 55                         | 19                        | 26                         |                                    |
|         | - Quận Thanh Xuân  | 55                         | 12                        | 33                         |                                    |
|         | - Quận Cầu Giấy  | 55                         | 11                        | 34                         |                                    |
|         | - Các quận, huyện còn lại  | 55                         |                           | 45                         |                                    |
| 3       | <b>Thuế tiêu thu đặc biệt (không kể TTĐB hàng nhập khẩu và Xổ số KT)</b>   |                            |                           |                            |                                    |
| 3.1     | Thu từ DNNN Trung ương   | 55                         | 45                        |                            |                                    |
| 3.2     | Thu từ DNNN Địa phương (Không kể thuế TTĐB từ hoạt động Xổ số KT)  | 55                         | 45                        |                            |                                    |
| 3.3     | Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài   | 55                         | 45                        |                            |                                    |
| 3.4     | Thu từ khu vực ngoài quốc doanh:   |                            |                           |                            |                                    |
| a       | Thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã), cá nhân và hộ kinh doanh có mức môn bài từ bậc 1- 3 |                            |                           |                            |                                    |
|         | - Quận Hoàn Kiếm   | 55                         | 28                        | 17                         |                                    |
|         | - Quận Ba Đình   | 55                         | 38                        | 7                          |                                    |
|         | - Quận Đống Đa   | 55                         | 24                        | 21                         |                                    |
|         | - Quận Hai Bà Trưng  | 55                         | 19                        | 26                         |                                    |
|         | - Quận Thanh Xuân  | 55                         | 12                        | 33                         |                                    |
|         | - Quận Cầu Giấy  | 55                         | 11                        | 34                         |                                    |
|         | - Các quận, huyện còn lại  | 55                         |                           | 45                         |                                    |
| b       | Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh có mức môn bài từ bậc 4 đến bậc 6  | 55                         |                           | 45                         |                                    |
| 4       | <b>Thu khác khu vực ngoài quốc doanh</b>   |                            |                           | 100                        |                                    |
| 5       | <b>Thuế thu nhập cá nhân</b>   | 55                         | 45                        |                            |                                    |
| 6       | <b>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</b>   | 50                         | 50                        |                            |                                    |
| 7       | <b>Phí xăng dầu</b>  | 55                         | 45                        |                            |                                    |

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

